

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30/3/2023

V/v: "Ly hôn"

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

#### TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Tấn Thành

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Quang Đông

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thùy Nương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Không có.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2023, về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Trần Thị Bảo N, sinh năm 1991; địa chỉ ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt).

\* **Bị đơn:** Trần Hữu T, sinh năm 1989; địa chỉ số A, đường N, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/12/2022 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Trần Thị Bảo N trình bày:

Sau khi tìm hiểu một thời gian và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên bà và ông Trần Hữu T tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 08/4/2022. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 10 năm 2022 đến nay, cuộc sống của ai người đó sống, không ai quan tâm đến ai. Bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Vợ chồng không có con chung; về tài sản chung và nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trần Hữu T không có bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Bảo N khởi kiện ông Trần Hữu T có địa chỉ tại thành phố Vĩnh Long để yêu cầu xin ly hôn; cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về hôn nhân và gia đình “*Ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Trần Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt, cho nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bảo N, Hội đồng xét xử thấy: Bà N và ông Trần Hữu T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long ngày 08/4/2022, nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng đến tháng 10 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm; vợ chồng đã ly thân nhau, từ đó cuộc sống của ai người đó sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo cho ông T biết việc bà N xin ly hôn nhưng ông T không có ý kiến phản đối. Như vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, bà N yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà Trần Thị Bảo N trình bày không có con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Bảo N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị Bảo N **phải** chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Bảo N. Bà N được ly hôn với ông Trần Hữu T.

**2. Về con chung:** Không có.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Bà Trần Thị Bảo N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Buộc bà Trần Thị Bảo N chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001776, ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, nên bà N không phải nộp thêm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Báo cho bà Trần Thị Bảo N biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Hữu T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh VL;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THA TPVL;
- Các đ/s.
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; (số 27, ngày 08/4/2022)
- Lưu: Hồ sơ,...

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Tấn Thành**